

Panasonic®

Operating Instructions Instrucciones de operación

Hướng dẫn sử dụng

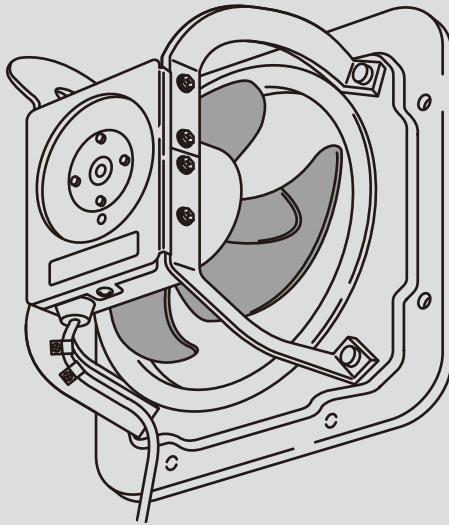
คู่มือการใช้

تعليمات التشغيل

Ventilating Fan
Extractor de aire
Quạt thông gió

สถิติกำลังแรง
مراوح التهوية

FV-25GS4 FV-30GS4 FV-35GS4 FV-40GS4



Thank you very much for having purchased Panasonic Ventilating Fan.

Please read these instructions carefully before attempting to install, operate or service the Panasonic Ventilating Fan. Failure to comply with instructions could result in personal injury and/or property damage. Please retain this booklet for future reference.

Muchas gracias por haber adquirido el Ventilador Panasonic

Por favor lea estas instrucciones cuidadosamente antes de intentar instalar, utilizar o reparar el Ventilador Panasonic. El no cumplir con las instrucciones podría tener como resultado daños a personas y/o a la propiedad. Por favor conserve este folleto para futuras consultas.

Trân trọng cảm ơn quý vị đã sử dụng Quạt thông gió Panasonic.

Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này trước khi lắp đặt, vận hành hoặc bảo dưỡng Quạt thông gió Panasonic. Không tuân theo các hướng dẫn có thể dẫn đến tổn thương thân thể và/hoặc hư hỏng tài sản. Vui lòng giữ lại sách hướng dẫn này để tiện tra cứu về sau.

ขอขอบคุณเป็นอย่างยิ่งที่เลือกซื้อพัดลมระบายอากาศ Panasonic.

โปรดอ่านคำแนะนำเหล่านี้อย่างระมัดระวัง ก่อนทำการติดตั้ง ใช้งาน หรือซ่อมบำรุงพัดลมระบายอากาศ Panasonic. หากไม่ปฏิบัติตามคำแนะนำ อาจทำให้เกิดการบาดเจ็บ และ/หรือทำให้เกิดความเสียหายต่อทรัพย์สิน โปรดเก็บรักษาคู่มือเล่มนี้ไว้ใช้อย่างยิ่งในอนาคต.

نقدم لكم جزيل الشكر على قيامكم بشراء مروحة التهوية ماركة Panasonic.

يرجى قراءة هذه التعليمات بعناية قبل محاولة تركيب أو تشغيل أو صيانة مروحة التهوية ماركة Panasonic. فقد يؤدي القصور في إطاعة التعليمات إلى الإصابة الشخصية و/أو الإضرار بالملكات. يرجى الاحتفاظ بهذا الكتيب للرجوع إليه في المستقبل.

INSTALLATION CAUTIONS PRECAUCIONES A TOMARSE AL HACER LA INSTALACION LƯU Ý KHI LẮP ĐẶT

ข้อระวังในการติดตั้ง

تحذيرات عند التركيب

- Disconnect power supply before maintenance.
Desconecte la fuente de alimentación antes del mantenimiento.
Ngắt kết nối nguồn điện trước khi bảo dưỡng.
ตัดการเชื่อมต่อกับแหล่งจ่ายไฟก่อนทำการบำรุงรักษา
افصل قابس التيار قبل إجراء الصيانة.
- If the supply cord is damaged, it must be replaced by the manufacturer, its service agent or similarly qualified persons in order to avoid a hazard.
Si el cordón de la corriente está dañado, el fabricante, el agente de servicio del fabricante o una persona igualmente calificada debe reemplazarlo para evitar riesgos.
Nếu dây nguồn bị hỏng, nên thay thế bằng dây của đơn vị sản xuất, đơn vị bảo hành hoặc các loại có chất lượng tương tự để tránh nguy hiểm.
หากสายไฟเสียหายต้องเปลี่ยนโดยผู้ผลิต ตัวแทน
บำรุงรักษาหรือบุคคลที่มีคุณสมบัติเพื่อหลีกเลี่ยงอันตราย
في حالة تلف وصلة الإمداد بالطاقة، يجب استبدالها من قبل الشركة المصنعة، أو وكيل الخدمة أو الأشخاص المؤهلين وذلك لتجنب المخاطر.
- This product is not intended for use by persons (including children) with reduced physical, sensory or mental capabilities, or lack of experience and knowledge, unless they have been given supervision or instruction concerning use of the product by a person responsible for the safety. Children should be supervised to ensure that they do not play with the product.
Este ventilador no debe ser operado por personas física o psíquicamente incapacitadas (incluyendo niños), o sin experiencia o conocimiento, a menos que sean supervisados o informados. Los niños deberán ser supervisados sobre el uso del aparato por la persona responsable de su seguridad. para asegurarse de que no jueguen con el ventilador.
Sản phẩm không dành cho người (bao gồm trẻ em) bị tổn thương khả năng trí tuệ hoặc giảm giác quan thể chất hoặc không đủ kinh nghiệm và hiểu biết, trừ khi người đó được giám sát và hướng dẫn sử dụng sản phẩm bởi người giám hộ. Trẻ em cần được giám sát để hạn chế việc chơi đùa với sản phẩm.
พัดลมนี้ ห้ามใช้โดยบุคคลพิการ (รวมถึงเด็ก), คนสติไม่สมประกอบ หรือขาดประสบการณ์และความรู้. เว้นแต่มีผู้ให้คำแนะนำเกี่ยวกับการใช้เครื่องใช้ชนิดนี้โดย
รับผิดชอบต่อความปลอดภัยของพวกเขาได้ เด็กควรได้รับคำแนะนำเพื่อให้แน่ใจว่าพวกเขาจะไม่เล่นพัดลมนี้เด็ดขาด
لم يتم تصميم تلك المروحة للاستخدام بواسطة الأشخاص (بما فيهم الأطفال) الذين يعانون من نقص في القدرات البدنية أو العقلية
أو الحسية أو بواسطة من ليس لديهم الخبرة والمعرفة بالمنتج. ما لم تتم مراقبتهم أو تزويدهم بالتعليمات الخاصة بكيفية استخدام
الجهاز من قبل شخص مسؤول عن سلامتهم. يجب مراقبة الأطفال لضمان عدم عبثهم بالمروحة.

1. This fan is designed for industrial use, it can be used in factories, warehouses, shops, commercial kitchens and other places where large air change is necessary.
2. Do not install this fan in a place where there is explosive gas or corrosive gas.
3. Do not install this fan in a place there is a great amount of humidity (such as the bathroom, kitchen, etc.).
4. After installation, remove the drain caps on the bottom side.
5. Use the equipment at the rated voltage and frequency indicated in the name plate.
6. Do not install the ventilating fan outside of the window or the wall.
7. This fan should be installed so that the blades are more than 2.3m above the floor.
Malaysia market: This fan should be installed so that the blades are more than 2.5m above the floor.
8. For this fan, precautions must be taken to avoid the back-flow of gases into the room from the open-flue of gas or other fuel-burning appliances.
9. The product must not be mounted on a wall not strong enough. If it cannot be ensured that the wall will bear the weight of the mounted product, that wall must be reinforced.
10. The special-purpose or dedicated parts, such as mounting fixtures, must be used if such parts are provided.
11. This fan must be installed by a qualified technician. Otherwise, it is possible to drop down.
12. Installation procedures must be carried out properly according to the instructions.
13. Do not disassemble the unit for reconstruction.
14. A statement to the effect that when the product is to no longer be used, it must not be left in place but removed, to prevent it from possibly falling.

1. Este ventilador está diseñado para uso industrial. Puede utilizarse en fábricas, almacenes, tiendas, cocinas industriales y en cualquier lugar que requiera de ventilación.
2. No instalar el ventilador en locales en que haya gas explosivo o corrosivo.
3. No instale la unidad donde exista una gran humedad (por ejemplo, en el cuarto de baño, la cocina, etc.).
4. Terminada la instalación, quitar la llave de purga del lado de abajo.
5. Utilice el equipo con el voltaje y la frecuencia indicados en la placa del nombre.
6. No instale el ventilador fuera de la ventana o la pared.

7. Este ventilador debe instalarse de manera tal que las cuchillas estén 2,3 m por encima del piso.
Mercado malayo: Este ventilador debe instalarse de manera tal que las cuchillas estén 2,5 m por encima del piso.
8. En el caso de este ventilador, se deben tomar precauciones para evitar el reflujo de gases, provenientes del conducto de gases abierto o de otros aparatos que queman combustible, hacia el interior de la habitación.
9. El producto no debe montarse en una pared que no sea suficientemente fuerte. Si no se puede garantizar que la pared soporte el peso del producto montado, esa pared debe reforzarse.
10. Las piezas fijas o con un propósito especial, tales como los aparatos para el montaje, deben utilizarse si se proporcionan dichas piezas.
11. Este ventilador debe ser instalado por un técnico calificado. En caso contrario, es posible que se caiga.
12. Hay que montar el secador de manos apropiadamente según las indicaciones de este Manual.
13. No debe desarmar la unidad para repararla.
14. Como declaración hacia el efecto que cuando el producto no va a ser utilizado más, no debe dejarse en el lugar, sino removido, para prevenir una posible caída.
 1. Quạt này được thiết kế sử dụng trong công nghiệp như: nhà máy, kho bãi, cửa hàng, nhà bếp thương mại và các nơi cần lưu thông gió.
 2. Không lắp quạt ở nơi có khí gas có khả năng gây nổ hoặc ăn mòn.
 3. Không lắp quạt ở nơi có độ ẩm cao (nhà tắm, nhà bếp.).
 4. Sau khi lắp đặt, tháo nắp thoát nước ở cạnh đáy của quạt.
 5. Sử dụng thiết bị với điện áp và hiệu suất được ghi trên bảng tên.
 6. Không lắp đặt quạt thông gió ngoài cửa sổ hoặc tường.
 7. Cánh quạt cần được lắp tại độ cao hơn 2.3m so với mặt sàn.
Tại Malaysia: Cánh quạt cần được lắp tại độ cao hơn 2.5m so với mặt sàn.
 8. Cần lưu ý khi có thể thổi ngược vào phòng từ lỗ rỉ khí hoặc các đồ gia dụng có ngọn lửa mở.
 9. Không được gắn sản phẩm lên tường không đủ vững chắc. Nếu không đảm bảo tường sẽ chịu được trọng lượng của sản phẩm đã gắn lên, tường phải được gia cố.
 10. Các phụ tùng chuyên dụng hoặc được thiết kế với mục đích đặc biệt như dụng cụ gắn tường phải được sử dụng nếu được cung cấp.
 11. Quạt thông gió này phải được kỹ thuật viên đầy đủ kinh nghiệm lắp đặt. Nếu không, quạt có thể rơi xuống.
 12. Đảm bảo rằng các ốc vắn và cắm neo trên mặt khung kim loại không được nổi với mặt kim loại nào trên hoặc đằng sau tường.
 13. Không được tháo thiết bị ra để lắp lại.
 14. Khi sản phẩm không còn được sử dụng nữa thì không nên để nguyên tại vị trí mà nên dỡ bỏ để tránh khả năng sản phẩm bị rơi.
 1. พัฒมนั้นถูกออกแบบมาสำหรับใช้ในอุตสาหกรรม โดยสามารถนำไปใช้ในโรงงาน โกดังสินค้า ร้านค้า ห้องครัวเชิงพาณิชย์และสถานที่อื่น ๆ ที่ต้องการการถ่ายเทอากาศขนาดใหญ่
 2. อย่าติดตั้งพัฒมนั้นในที่ที่มีวัตถุระเบิดแก๊สได้ หรือที่ที่มีการเผาผลาญแก๊ส
 3. อย่าติดตั้งในสถานที่ที่มีความชื้นสูง (เช่น ห้องน้ำ ห้องครัว เป็นต้น)
 4. หลังการติดตั้ง ให้ถอดฝาปิดช่องระบายอากาศ ที่ข้างได้ออก
 5. ใช้อุปกรณ์นี้ตามอัตราความดันของกระแสไฟฟ้า และความถี่ ตามที่กำหนดบนแผ่นป้าย
 6. ห้ามติดตั้งพัฒมระบายอากาศด้านนอกเหนือหน้าต่างหรือกำแพง
 7. ควรติดตั้งพัฒมนั้นให้ใบพัดสูงจากพื้นมากกว่า 2.3 เมตร ตลาดมาเลเซีย: ควรติดตั้งพัฒมนั้นให้ใบพัดสูงจากพื้นมากกว่า 2.5 เมตร
 8. สำหรับพัฒมนั้น ให้ระวังเพื่อหลีกเลี่ยงการไหลเวียนด้านหลังของแก๊ส เข้ามาในห้องจากช่องอากาศที่เปิดของแก๊ส หรือเครื่องมือเผาผลาญเชื้อเพลิง
 9. ต้องไม่ติดตั้งผลิตภัณฑ์บนผนังที่ไม่แข็งแรงพอหากไม่มั่นใจว่า ผนังสามารถรับน้ำหนักผลิตภัณฑ์ที่ติดตั้งได้หรือไม่ จะต้องเสริมผนังให้แข็งแรง
 10. ต้องใช้ชิ้นส่วนสำหรับงานพิเศษหรืองานเฉพาะอย่าง เช่น อุปกรณ์จับยึดติดตั้ง หากมีชิ้นส่วนดังกล่าวให้มาด้วย
 11. พัฒมนั้นต้องติดตั้งโดยช่างที่มีความชำนาญมีคะแนนอาจหล่นลงมาได้
 12. ต้องทำตามขั้นตอนการติดตั้งอย่างถูกต้องตามคำแนะนำการติดตั้ง
 13. อย่าถอดแยกชิ้นส่วนเพื่อทำการประกอบใหม่
 14. ถอดคำทหายความว่า หากหมดความจำเป็นในการใช้แล้ว ให้ถอดเครื่องออกอย่างทวในสถานที่ติดตั้ง เพื่อป้องกันการตกหล่นทหายจากเขตชนใด
 1. تم تصميم المروحة للاستخدام الصناعي. يمكن استخدامه في المصانع والمستودعات والمحلات التجارية والمطابخ التجارية وغيرها من الأماكن التي تتطلب كمياً كبيراً من التهوية.
 2. لا تعمل على تركيب المروحة في مكان حيث يوجد غاز قابل للانفجار أو غاز يسبب التآكل أو الصدأ.
 3. لا تترك أبداً الوحدة في الأماكن أين تكون رطوبة عالية (مثل الحمام، المطبخ، الخ).
 4. بعد عملية التركيب، انزع سدادات التصريف في الجانب السفلي.
 5. استخدم الجهاز مع الفلطية المقدره والتردد المبينين على لوحة المفاتيح.
 6. لا تقم بتثبيت مروحة التهوية خارج النافذة أو الحائط.
 7. يجب تثبيت تلك المروحة حتى تكون ريش المروحة أعلى من سطح الأرض بما يزيد عن 2.3 متر. سوق ماليزيا: يجب تثبيت تلك المروحة بحيث تكون الريش أعلى من سطح الأرض بما يزيد عن 2.5 متر.
 8. بالنسبة لتلك المروحة، يجب أخذ كافة الاحتياطات لتجنب عودة تدفق الغازات داخل الغرفة من مدخنة تسريب الغاز أو من أي جهاز حرق الوقود.
 9. لم يتم تريب هذا المنتج على حائط قوي بشكل آففي. إذا لم يكن بالإمكان التأكد من أن الحائط يتحمل وزن المنتج المرأب، فيجب تقوية الحائط.
 10. الأجزاء ذات الغرض الخاص أو المخصصة مثل تجهيزات التركيب، يجب استخدامها في حال توفر هذه الأجزاء.
 11. يجب أن يقوم شخص فني مؤهل بترأيب هذه المروحة. وإلا فمن المحتمل أن تسقط.
 12. يجب إتيام بإجراءات إتركيب بشكل صحيح حسب إتعليمات.
 13. يجب عدم تفكيك الوحدة لإعادة التركيب.
 14. في مكانه بل يجب از الته، لمنعه من احتمال السقوط. بيان نافذ المفعول، في حالة انه لن يتم استعمال المنتج من الان فصاعداً، يجب عدم ترك المكيف.

IDENTIFICATION OF PARTS ; MEASUREMENTS

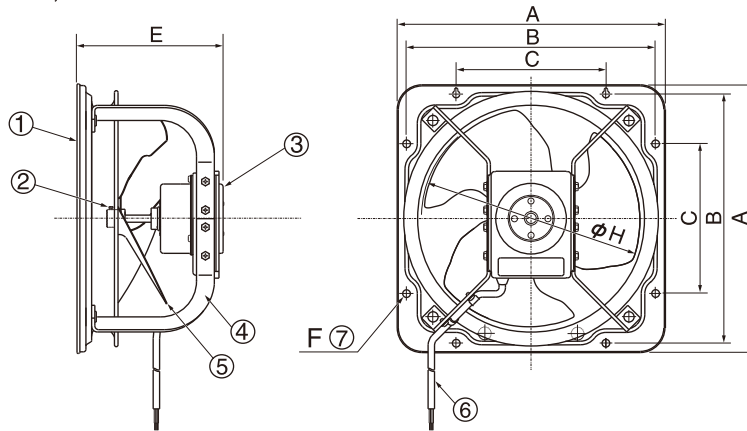
LOCALIZACION DE LAZ PIEZAS ; MEDIDAS

XÁC ĐỊNH & KÍCH CỠ CÁC BỘ PHẬN

ชิ้นส่วนต่างๆ, ขนาด

أسماء الأجزاء والقياسات

【FV-25GS4,FV-30GS4,FV-35GS4】



1	Frame	Armazón	Khung	ตัวกรอบ	الإطار
2	Blade setscrew	Tornillo de sujeción de cuchilla	Bộ ốc vặn quạt	ตะปูควงยึดใบพัด	برغي تثبيت ريشة المروحة
3	Motor	Motor	Mô-tơ	มอเตอร์	المحرك
4	Motor support	Soporte de motor	Giá đỡ mô-tơ	ตัวประกอบมอเตอร์	مسند الموتور
5	Blade	Cuchilla	Cánh quạt	ใบพัด	ريشة المروحة
6	Power cord	Cordón de la corriente	Dây điện	สายไฟ	سلك الطاقة
7	Fitting hole 8	Agujero de montaje 8	Lỗ lắp 8	ช่องสวมยึด 8	فتحة التركيب 8

Model Modelo Mã hiệu รุ่น الموديل	A	B	C	D	E	F	G	H
FV-25GS4	327	298	165	—	171	10 dia.	—	250 dia.
FV-30GS4	378	349	210	—	200	10 dia.	—	300 dia.
FV-35GS4	467	434	250	—	236	12 dia.	—	350 dia.

Dimensions: mm

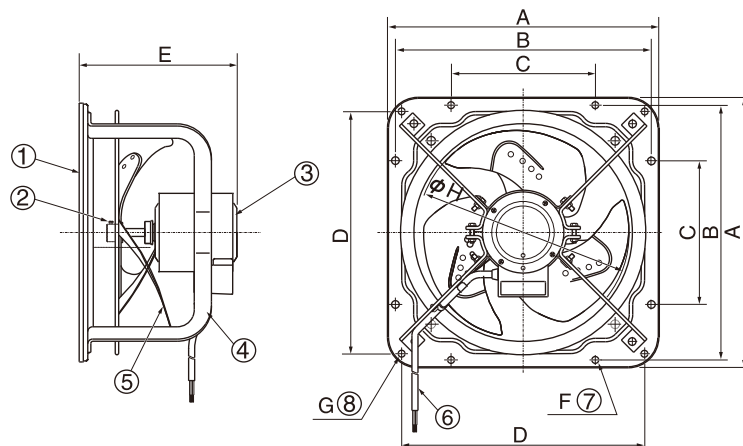
Dimensions: mm

Kích cỡ:mm

มาตราวัด : มม.

الأبعاد: مم

【FV-40GS4】



1	Frame	Armazón	Khung	ตัวกรอบ	الإطار
2	Blade setscrew	Tornillo de sujeción de cuchilla	Bộ ốc vặn quạt	ตะปูควงยึดใบพัด	برغي تثبيت ريشة المروحة
3	Motor	Motor	Mô-tơ	มอเตอร์	المحرك
4	Motor support	Soporte de motor	Giá đỡ mô-tơ	ตัวประกอบมอเตอร์	مسند الموتور
5	Blade	Cuchilla	Cánh quạt	ใบพัด	ريشة المروحة
6	Power cord	Cordón de la corriente	Dây điện	สายไฟ	سلك الطاقة
7	Fitting hole 8	Agujero de montaje 8	Lỗ lắp 8	ช่องสวมยึด 8	فتحة تركيب 8
8	Fitting hole 4	Agujero de montaje 4	Lỗ lắp 4	ช่องสวมยึด 4	فتحة تركيب 4

Model Modelo Mã hiệu รุ่น الموديل	A	B	C	D	E	F	G	H
FV-40GS4	518	485	280	460	274	12 dia	12 dia	400 dia

Dimensions: mm

Dimensions: mm

Kích cỡ: mm

มาตราวัด : มม.

الأبعاد: مم

HOW TO INSTALL MANERA DE HACER LA INSTALACION CÁCH LẮP ĐẶT

วิธีการติดตั้ง

طريقة التركيب

During installation and carrying work, take special care not to deform the blade. If the blade is deformed, troubles such as unbalance or vibration may occur.

Durante el trabajo de instalación y de transporte tenga cuidado de no deformar la cuchilla. Si la cuchilla se deforma, pueden ocurrir problemas tales como sequilibrio o vibración.

Trong lúc vận chuyển và lắp đặt, cần lưu ý tránh làm méo cánh quạt. Cánh quạt bị méo có thể làm mất thăng bằng quạt hoặc làm rung động khi sử dụng.

ในขณะที่ดำเนินการติดตั้งอยู่ต้องระวังเป็นพิเศษ อย่าให้ใบพัดเสียหายผิดรูปผิดร่างไปได้ ถ้าใบพัดเสียหายผิดรูปผิดร่างไป อาจเป็นสาเหตุให้เกิดปัญหาต่างๆ เช่น ใบพัดเสียดุลย์หรือสั่นสะเทือนเวลาทำงาน

أثناء التركيب وعمل التحميل، يجب أن نعطي عناية خاصة بحيث لا نشوه ريشة المروحة. إذا تشوهت الريشة فإنه قد يحدث خلل مثل عدم الاتزان أو الاهتزاز.

Installation on concrete wall
Instalación en pared de hormigón
Lắp đặt lên tường

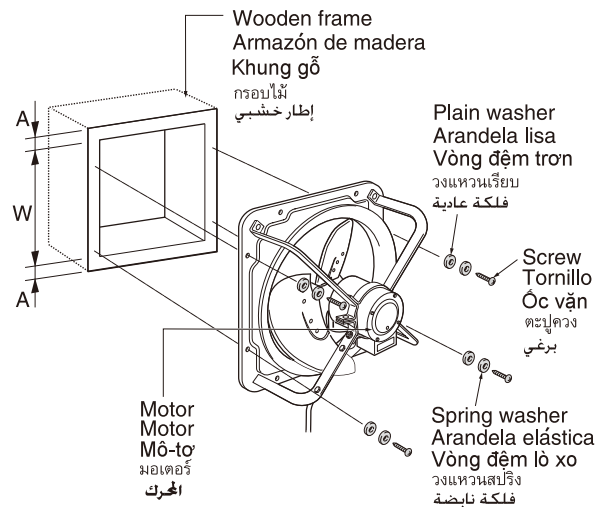
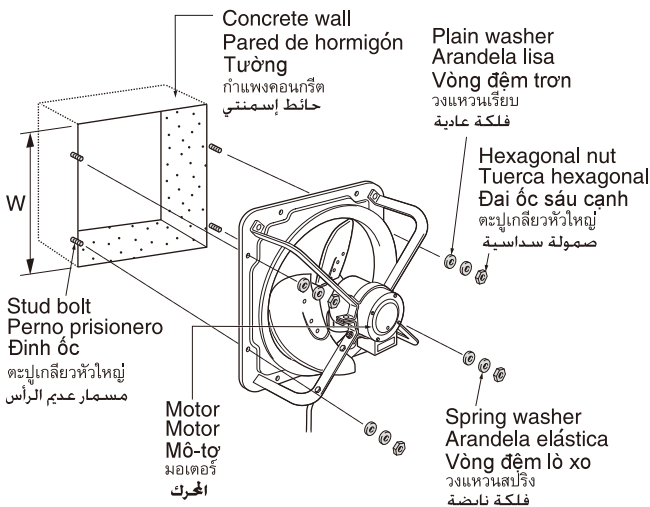
การติดตั้งกับกำแพงคอนกรีต

التركيب على حائط إسمنتي

Installation on wooden frame
Instalación en armazón de madera
Lắp đặt lên khung gỗ

การติดตั้งกับกรอบไม้

التركيب على إطار خشبي



Model Modelo Mã hiệu รุ่น الموديل	W
FV-25GS4	275 sq.
FV-30GS4	325 sq.
FV-35GS4	395 sq.
FV-40GS4	445 sq.

Dimensions: mm

Dimensions: mm

Kích cỡ:mm

Model Modelo Mã hiệu รุ่น الموديل	W	A
FV-25GS4	275 sq.	25
FV-30GS4	325 sq.	25
FV-35GS4	395 sq.	35
FV-40GS4	445 sq.	40

มาตราวัด : มม.

الأبعاد: مم

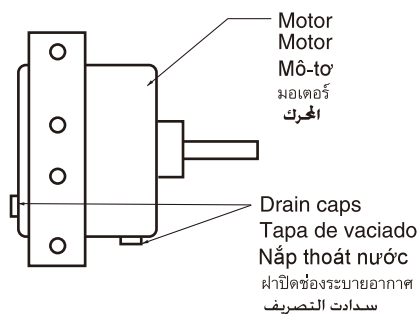
■ The fan can be used facing to the side or up and be sure to remove the drain cap which is installed at the bottom.

■ El ventilador podrá utilizarse encarado lateralmente o hacia arriba. Pero tendrá que cerciorarse de haber extraído el tapón de drenaje instalado en la parte inferior.

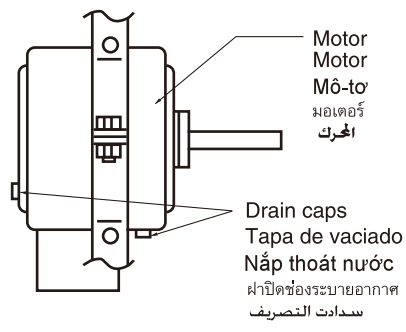
■ Quạt có thể được sử dụng quay về phía cạnh tường hoặc hướng lên trên. Chú ý tháo nắp thoát nước ở dưới đáy.

■ พัดลมนี้สามารถทำให้หันข้าง หรือหันบนได้ ท่านควรตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ถอดฝาปิดช่องระบายอากาศที่อยู่ส่วนล่างออก

■ يمكن استخدام المروحة موجهة إلى الجانب أو إلى أعلى وكن متأكدًا من نزع سدادة التصريف المركبة في الأسفل.



【FV-25GS4,FV-30GS4】
【FV-35GS4】



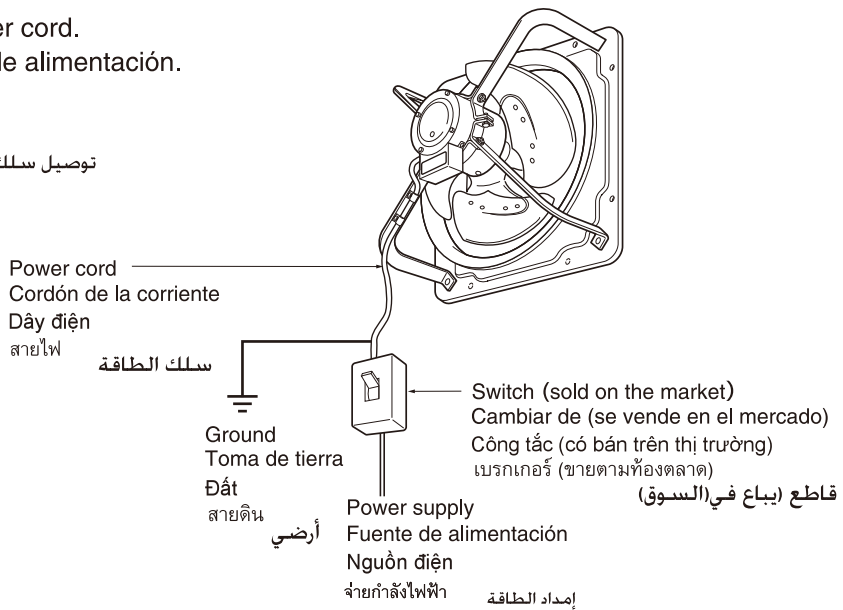
【FV-40GS4】

Connecting the power cord.
Conexión del cable de alimentación.

Nối dây điện

การเชื่อมต่อสายไฟ

توصيل سلك الطاقة.



■ Use the switch that complies with IEC 60335 and have qualified personal connect install the switch in the manner describet in this manual.

■ Utilice el interruptor que cumple con IEC 60335 y disponga de personal calificado para instalarlo como indica el manual.

■ Sử dụng ổ cắm phù hợp với IEC 60335 và được lắp bởi người có chuyên môn theo hướng dẫn được ghi trong quyển hướng dẫn này.

■ ใช้สวิตช์ที่สอดคล้องตามมาตรฐาน IEC 60335 และควรเชื่อมต่อโดยบุคคลที่มีคุณสมบัติ ให้ติดตั้งสวิตช์ดังที่อธิบายไว้ในคู่มือเล่มนี้

■ استخدم المفتاح الذي يتوافق مع IEC 60335 واستعن بفني متخصص لتوصيل وتركيب المفتاح بالطريقة الموضحة في هذا الدليل.

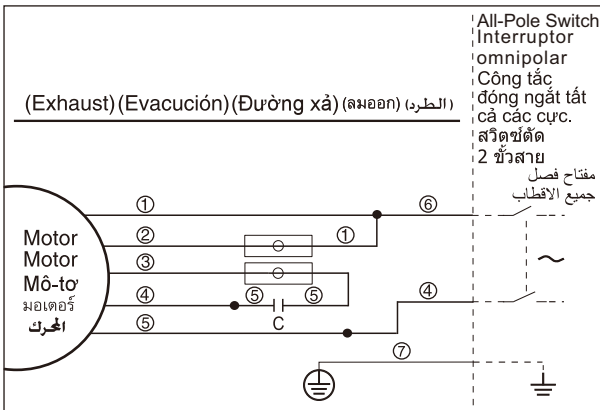
Wiring Diagram (Exhaust)

Diagrama de alambrado (Evacuación)

Biểu đồ dây nối (Đường xả)

ภาพอธิบายการเดินสายไฟ (ลมออก)

[FV-25GS4,FV-30GS4,FV-35GS4,FV-40GS4]



مخطط توصيل الأسلاك (الطرء)

■ Must be installed in a fixed wiring with an all pole disconnections switch which the contact separation is more than 3 mm.

Debe estar instalado en un cable fijo con un interruptor de desconexión de todos los polos que tenga una separación de contacto de más de 3 mm.

Phải được lắp đặt với dây dẫn cố định và công tắc có thể đóng ngắt tất cả các cực, điểm cách ly của công tắc này phải lớn hơn 3 mm.

จะต้องติดตั้งโดยยึดสายไฟเข้ากับสวิตช์ตัดวงจรทุกขั้ว โดยที่หน้าสัมผัสจะต้องห่างกันอย่างน้อย 3 มม.

يجب أن يتم التثبيت في توصيلات ثابتة مع مفتاح فصل جميع الأقطاب والذي يزيد فصله عن 3 مم.

①	White	Blanco	Trắng	สีขาว	أبيض
②	Yellow	Amarillo	Vàng	สีเหลือง	أصفر
③	Red	Rojo	Đỏ	สีแดง	أحمر
④	Blue	Azul	Xanh	สีน้ำเงิน	أزرق
⑤	Black	Negro	Đen	สีดำ	أسود
⑥	Brown	Marrón	Nâu	สีน้ำตาล	بنى
⑦	Green/Yellow	Verde/Amarillo	Xanh/Vàng	เขียว/เหลือง	أخضر / أصفر

HOW TO REVERSE AIR FLOW MANERA DE INVERTIR EL FLUJO DEL AIRE HƯỚNG DẪN GIỮ LUỒNG KHÍ

วิธีกลับทิศทางการไหล

كيف تعكس اتجاه تدفق الهواء

[FV-25GS4,FV-30GS4,FV-35GS4]

1. Loosen the blade setscrew to remove the blade.
2. Remove the wiring cover setscrew and exchange the yellow and red wires according to the wiring diagram.
3. Mount the blade in reverse position, and completely secure it in the air intake blade position.

1. Afloje el tornillo de sujeción de cuchilla para remover la cuchilla.
2. Remueva el tornillo de la cubierta de alambrado y efectue el intercambio de los alambres amarillo y rojo de acuerdo con el diagrama de alambrado.
Después de esto,vuelva a instalar la cubierta de alambrado en la posicion original.
3. Instale la cuchilla en la posición inverse y asegurela completamente en la posición de admisión de aire.

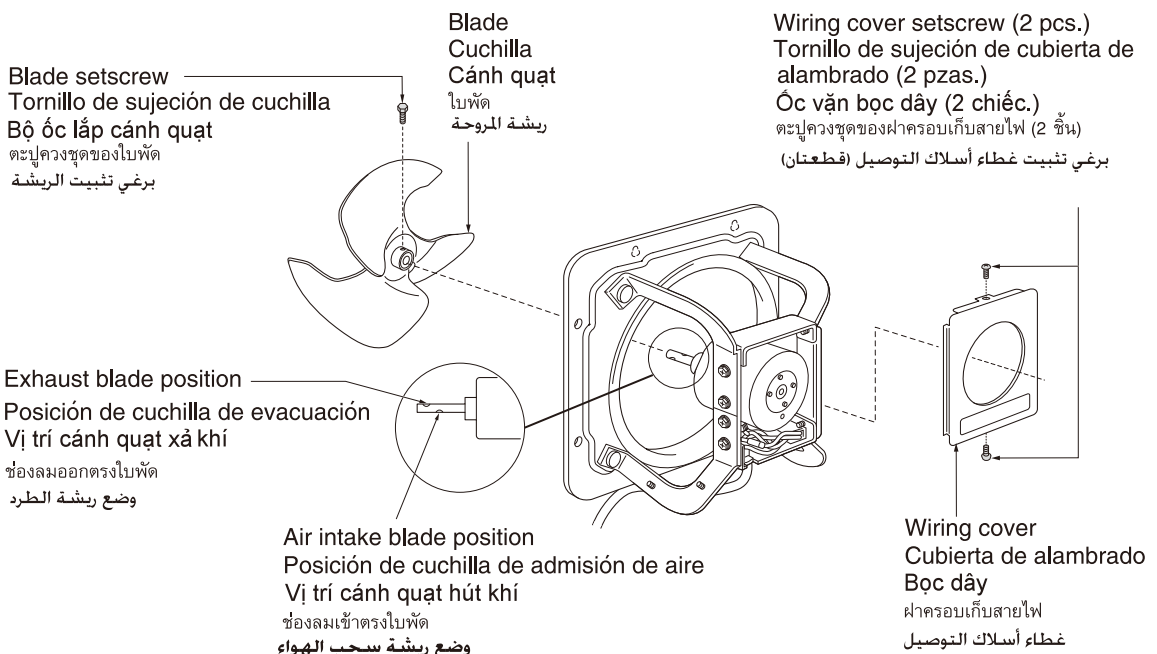
1. Tháo ốc vặn cánh quạt để tháo cánh quạt.
2. Tháo ốc vặn bọc dây và đổi dây vàng và đỏ theo biểu đồ dây nói.
3. Lắp cánh quạt vào vị trí ngược lại rồi lắp chắc chắn vào vị trí cánh quạt thu khí.

1. ไขตะปูควงชุดของใบพัดเพื่อถอดใบพัดออก
2. ถอดตะปูควงชุดของดลับลายไฟ แล้วสับเปลี่ยนสายไฟ สีเหลืองกับสีแดงตามภาพอธิบายการเดินสายไฟ
3. ยกใบพัดกลับตำแหน่ง และสวมเข้าไปให้แน่นในช่องลมเข้า ตรงใบพัด

1. حل برغي تثبيت ريشة المروحة لنزع الريشة.

2. انزع برغي تثبيت غطاء أسلاك التوصيل وبدل الأسلاك الصفراء والحمراء فيما بينها طبقا للرسم التخطيطي لتوصيل الأسلاك. بعد ذلك. ركب غطاء أسلاك التوصيل في موضعه الأصلي.

3. ركب ريشة المروحة في وضع عكسي واحكم تثبيتها في وضع ريشة سحب الهواء.



[FV-40GS4]

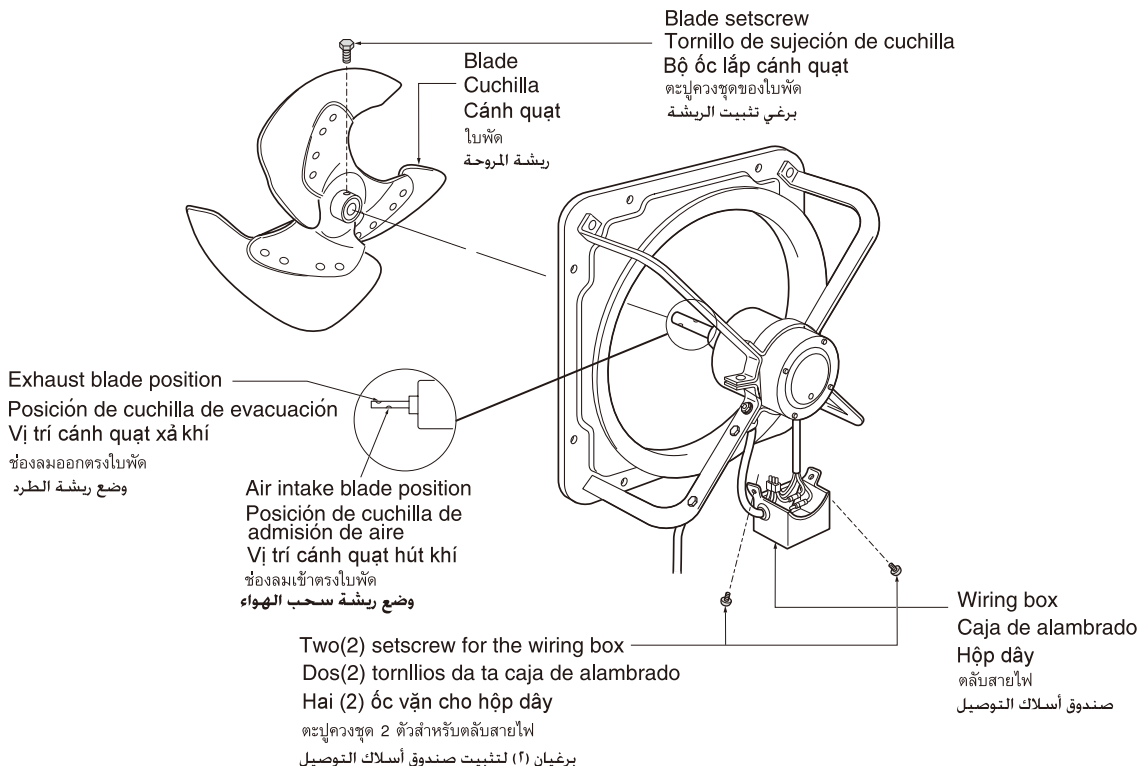
1. Loosen the blade setscrew to remove the blade.
2. Remove the two (2) wiring box setscrews and exchange the yellow and red wires according to the wiring diagram. After exchanging, re-install the wiring box in its original position.
3. Mount the blade in reverse position, and completely secure it in the air intake blade position.

1. Afloje el tornillo de sujeción de cuchilla para remover la cuchilla.
2. Remueva los dos (2) tornillos de la caja de alambrado y cambia los alambres amarillo y rojo uno con el otro de acuerdo con el diagrama de alambrado.
Después de esto, vuelva a instalar la caja de alambrado en la posición original.
3. Instale la cuchilla en la posición inversa y asegurela completamente en la posición de admisión de aire.

1. Tháo ốc vặn cánh quạt để tháo cánh quạt.
2. Tháo hai ốc vặn hộp dây và đổi dây vàng và đỏ theo biểu đồ dây nối. Sau khi đổi, lắp lại hộp dây vào vị trí ban đầu.
3. Lắp cánh quạt vào vị trí ngược lại rồi lắp chắc chắn vào vị trí cánh quạt thu khí.

1. ขาดขันน็อตของใบพัดเพื่อถอดใบพัดออก
2. ถอดตะปูควงชุด 2 ตัวของดัดล้นสายไฟออก แล้วสลับเปลี่ยนสายไฟ สีเหลืองกับสีแดงตามภาพอธิบายการเดินสายไฟ
หลังจากสลับเปลี่ยน แล้วติดดัดล้นสายไฟเข้าไปในตำแหน่งเดิม
3. ยกใบพัดกลับตำแหน่ง และสวมเข้าไปให้แน่นในช่องลมเข้า ตรงใบพัด

1. حل برغي تثبيت ريشة المروحة لنزع الريشة.
2. انزع برغي (٢) تثبيت صندوق أسلاك التوصيل ثم بدل الأسلاك والحمراء فيما بينها وذلك حسب مخطط أسلاك التوصيل. بعد ذلك. أعد تركيب صندوق أسلاك التوصيل إلى مكانه الأصلي.
3. ركب ريشة المروحة في وضع عكسي واحكم تثبيتها في وضع ريشة سحب الهواء.



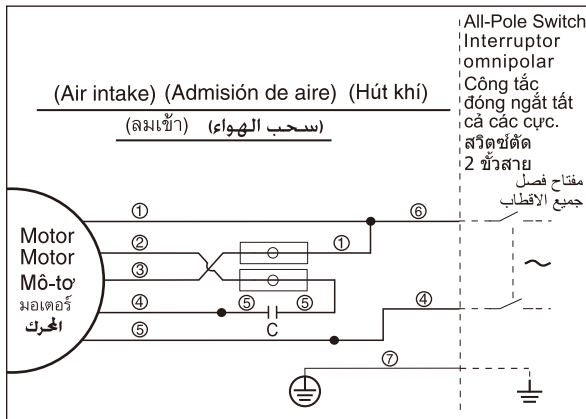
Wiring Diagram (Air intake)

Diagrama de alambrado (Admisión de aire)

Biểu đồ dây nối (Hút khí)

ภาพอธิบายการเดินสายไฟ (ลมเข้า)

مخطط توصيل الأسلاك (سحب الهواء)



■ Must be installed in a fixed wiring with an all pole disconnections switch which the contact separation is more than 3 mm.

Debe estar instalado en un cable fijo con un interruptor de desconexión de todos los polos que tenga una separación de contacto de más de 3 mm.

Phải được lắp đặt với dây dẫn cố định và công tắc có thể đóng ngắt tất cả các cực, điểm cách ly của công tắc này phải lớn hơn 3 mm.

จะต้องติดตั้งโดยยึดสายไฟเข้ากับสวิทช์ตัดวงจรทุกขั้ว โดยที่หน้าสัมผัสจะต้องห่างกันอย่างน้อย 3 มม.

يجب أن يتم التثبيت في توصيلات ثابتة مع مفتاح فصل جميع الأقطاب والذي يزيد فصله عن 3 مم.

①	White	Blanco	Trắng	สีขาว	أبيض
②	Yellow	Amarillo	Vàng	สีเหลือง	أصفر
③	Red	Rojo	Đỏ	สีแดง	أحمر
④	Blue	Azul	Xanh	สีน้ำเงิน	أزرق
⑤	Black	Negro	Đen	สีดำ	أسود
⑥	Brown	Marrón	Nâu	สีน้ำตาล	بنّي
⑦	Green/Yellow	Verde/Amarillo	Xanh/Vàng	เขียว/เหลือง	أخضر / أصفر

MAINTENANCE CAUTIONS

PRECAUCIONES A TOMARSE PARA EL MANTENIMIENTO

LƯU Ý BẢO TRÌ

ข้อระวังในการทำความสะดวกรักษาเครื่อง

تحذيرات عند الصيانة

- Before beginning any maintenance, be sure to disconnect the power cord from the power supply.
- Never use petrol, benzene, thinner or any other such chemicals for cleaning the ventilating fan.

1. Antes de ponerse a hacer cualquier servicio, habra que recordarse de desenchufar, sin falta, el cable de la corriente del tomacorriente.

2. Nunca use gasolina, benceno, disolvente o cualquier otros productos químicos como para la limpieza del ventilador.

1. Trước khi thực hiện bảo trì, tháo dây điện khỏi nguồn điện.

2. Không được sử dụng dầu, benzen, chất pha sơn hoặc các hóa chất tương tự để lau chùi quạt thông gió.

1. ก่อนลงมือทำความสะอาดใดๆ ต้องแน่ใจว่าได้ถอดปลั๊กไฟออกเรียบร้อยแล้ว

2. ห้ามใช้ น้ำมัน น้ำมันเบนซิน ทินเนอร์ หรืออื่นๆ เช่น น้ำยาเคมีทำความสะอาดพัดลมระบายอากาศ

1. قبل البدء في أي صيانة، تأكد من نزع سلك الطاقة من مصدر الطاقة.

2- لا تستخدم ايدا البترول، البنزين، مخفف الدهان أو أي مواد كيميائية أخرى لتنظيف مروحة التهوية.

SPECIFICATIONS
ESPECIFICACIONES
THÔNG SỐ KỸ THUẬT
รายละเอียดต่างๆ

المواصفات

Model No. No. de Modelo Kiểu máy รุ่น رقم الموديل	Voltage Voltaje Điện thế แรงดันไฟฟ้า الفلطية [V]	Frequency Frecuencia Tần số ความถี่ التردد [Hz]	Power consumption Consumo de energía Mức tiêu thụ điện năng ความสิ้นเปลืองพลังงานไฟฟ้า استهلاك القدرة [W]	Speed Velocidad Tốc độ ความเร็ว السرعة [min ⁻¹]	Air delivery Caudal de aire Sức cung gió ปริมาณอากาศที่หมุนเวียน التصريف الهوائي [m ³ /min] ([CMH])	Power factor Factor de potencia Hệ số năng lượng อัตรากำลังไฟฟ้า عامل القدرة [%]	Weight Peso Trọng lượng น้ำหนัก الوزن [kg]
FV-25GS4	110 - 127V ~	50	38-46	1350-1385	18.3-18.5(1100-1110)	86/81	4.4
		60	45-51	1520-1600	21.2-22.5(1270-1350)	95/93	
	220 - 240V ~	50	39-44	1360-1380	18.3-18.7(1100-1120)	89/87	
	240V ~	50	44	1380	18.7(1120)	87	
	220 - 230V ~	60	47-50	1560-1580	20.8-22.3(1250-1340)	97/99	
FV-30GS4	110 - 127V ~	50	52-61	1360-1395	29.2-29.5(1750-1770)	95/91	6.1
		60	67-78	1560-1615	34.3-35.8(2060-2150)	99/99	
	220 - 240V ~	50	59-65	1360-1380	30-30.3(1800-1820)	99/99	
	240V ~	50	65	1380	30.3(1820)	99	
	220 - 230V ~	60	80-84	1560-1580	34.7-35.5(2080-2130)	99/99	
FV-35GS4	110 - 127V ~	50	80-92	1360-1400	40.7(2440)	82/76	10.5
		60	111-120	1520-1630	45.8-46.5(2750-2790)	92/95	
	220 - 240V ~	50	88-95	1420-1430	42.7-43.2(2560-2590)	98/94	
	240V ~	50	95	1430	43.2(2590)	94	
	220 - 230V ~	60	127-130	1660-1670	49-50.2(2940-3010)	99/99	
FV-40GS4	110 - 127V ~	50	150-180	1440-1450	63.3-63.5(3800-3810)	62/55	19
		60	199-218	1690-1720	74-74.3(4440-4460)	91/86	
	220 - 240V ~	50	161-181	1450-1460	60.2-61.2(3610-3670)	67/63	
	240V ~	50	181	1460	61.2(3670)	63	
	220 - 230V ~	60	210-214	1710-1720	70.7-71.3(4240-4280)	95/93	

AMCA SPECIFICATIONS
 ESPECIFICACIONES AMCA
 THÔNG SỐ KỸ THUẬT AMCA
 รายละเอียดต่างๆ AMCA

المواصفات AMCA

Model No. No. de Modelo Kiểu máy รุ่น رقم الموديل	Voltage Voltaje Điện thế แรงดันไฟฟ้า الفولتية [V]	Frequency Frecuencia Tần số ความถี่ التردد [Hz]	Air delivery and Noise at static pressure Caudal de aire y ruido en condiciones de presión estática Luồng gió và tiếng ồn ở áp suất tĩnh การส่งผ่านอากาศและเสียงที่ความดันสถิต توصيل الهواء والضوضاء عند الضغط الثابت										Power consumption Consumo de energia Mức tiêu thụ điện năng ความสิ้นเปลืองพลังงานไฟฟ้า استهلاك القدرة [W] ※	Power consumption Consumo de energia Mức tiêu thụ điện năng ความสิ้นเปลืองพลังงานไฟฟ้า استهلاك القدرة [W] ※※
			In. wg	0	0.05	0.075	0.1	0.125	0.25	0.375	0.5	0.75		
FV-25GS4	220	60	CFM	684	647	621	591	548	93	—	—	—	51	47
			Sones	4.1	3.2	3.2	3.4	3.4	8.2	—	—	—		
	240	50	CFM	613	548	522	488	447	83	—	—	—	47	44
			Sones	2.8	2.7	2.8	2.9	3.2	7.6	—	—	—		
FV-30GS4	220	60	CFM	1138	1086	1058	1027	995	456	150	—	—	85	80
			Sones	8.3	7.8	7.6	7.9	6.7	6.2	9.3	—	—		
	240	50	CFM	996	890	840	780	720	359	141	—	—	70	65
			Sones	4.3	4.3	4.2	4.2	4.4	6.2	9.1	—	—		
FV-35GS4	220	60	CFM	1609	1558	1534	1505	1474	1279	332	—	—	135	127
			Sones	6.4	6.0	6.0	6.2	6.2	6.5	8.6	—	—		
	240	50	CFM	1417	1367	1340	1308	1273	1034	336	—	—	102	95
			Sones	6.0	5.8	5.5	5.4	5.7	5.8	11.1	—	—		
FV-40GS4	220	60	CFM	2320	2267	2240	2214	2189	2043	1850	1488	476	223	210
			Sones	7.0	7.0	7.1	7.2	6.7	6.8	7.4	10.2	17.2		
	240	50	CFM	2009	1949	1919	1888	1859	1681	1368	630	185	193	181
			Sones	5.6	5.6	5.7	5.7	5.8	6.2	8.5	14.0	15.8		

The ratings shown are based on tests and procedures performed in accordance with AMCA Publication 211 and AMCA Publication 311.

※ The Watts rating is only for AMCA test method and it is at the static pressure of 0 inch of H₂O.

※※ The Watts rating is only for IEC test method.

Las especificaciones mostradas están basadas en las pruebas y procedimientos realizados de acuerdo con las publicaciones 211 y 311 de AMCA.

※ La clasificación por vatios es solo para el método de prueba AMCA y es con la presión estática de 0 pulgadas de H₂O.

※※ La clasificación por vatios es solo para el método de prueba IEC.

Các định mức được hiển thị dựa trên các thí nghiệm và quy trình được thực hiện tuân theo Ấn bản AMCA 211 và Ấn bản AMCA 311.

※ Định mức Watts chỉ dành cho phương pháp thí nghiệm AMCA và nó không ở áp suất tĩnh 0 inche của H₂O.

※※ Định mức Watts chỉ dành cho phương pháp thí nghiệm IEC.

อัตราที่แสดงจะยึดตามการทดสอบและกระบวนการที่ดำเนินการตามสิ่งพิมพ์เผยแพร่ AMCA 211 และสิ่งพิมพ์เผยแพร่ AMCA 311

※ อัตรากำลังวัตต์ใช้สำหรับวิธีการทดสอบ AMCA เท่านั้นและอยู่ที่แรงกดดันคงที่ของน้ำที่ 0 นิ้ว

※※ อัตรากำลังวัตต์ใช้สำหรับวิธีการทดสอบ IEC เท่านั้น

التقديرات المبينة تستند إلى الاختبارات والإجراءات المنفذة وفقا لمنشور AMCA 211 ومنشور 311 AMCA.

※ معدل الوات يستخدم فقط في طريقة اختبار AMCA وهو عند ضغط استاتيكي قدره صفر بوصة من المياه (O₂H).

※※ كمية الوات تستخدم فقط في طريقة اختبار IEC.

Panasonic Corporation

Web site: <http://www.panasonic.com>

© Panasonic Corporation 2003-2018

P0103-10098 25G4S4022J